**MA TRẬN ĐỀ THI**

| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **3** | **0** | **0** | **3** | **0** | **1** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do. | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **40** |
| **Tổng** | | | **15** | **5** | **0** | **40** | **0** | **20** | **0** | **20** | **100%** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **20%** | | **20%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI**

| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được vấn đề nghị luận trong văn bản.  - Xác định được các lí lẽ, dẫn chứng được tác giả sử dụng trong văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được vấn đề nghị luận.  - Phân tích được tác dụng và hiệu quả của các lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng trong văn bản để làm thuyết phục người đọc, người nghe.  **Vận dụng:**  - Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước. | 3TN | 3TL | 1TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do. | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ ràng các khía cạnh khi cảm nhận về một bài thơ tự do.  - Nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong bài thơ.  **Vận dụng:**  **-** Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản để viết được bài cảm nhận ghi lại cảm xúc của mình về một bài thơ tự do.  **Vận dụng cao**:  - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.  - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **3TN** | **3TL** | **1TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **20%** | **40%** | **20%** | **20%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..** | **ĐỀ THI Năm học: 20… – 20…**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 8**  **(Thời gian làm bài: 90 phút)** |
| --- | --- |

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Cái quý giá nhất trên đời mà mỗi người có thể góp phần mang lại cho chính mình và cho người khác đó là “năng lực tạo ra hạnh phúc”, bao gồm năng lực làm người, năng lực làm việc và năng lực làm dân.

Năng lực làm người là có cái đầu phân biệt được thiện - ác, chân - giả, chính - tà, đúng - sai..., biết được mình là ai, biết sống vì cái gì, có trái tim chan chứa tình yêu thương và giàu lòng trắc ẩn. Năng lực làm việc là khả năng giải quyết được những vấn đề của cuộc sống, của công việc, của chuyên môn, và thậm chí là của xã hội. Năng lực làm dân là biết được làm chủ đất nước là làm cái gì và có khả năng để làm được những điều đó. Khi con người có được những năng lực đặc biệt này thì sẽ thực hiện được những điều mình muốn. Khi đó, mỗi người sẽ trở thành một “tế bào hạnh phúc”, một “nhà máy hạnh phúc” và sẽ ngày ngày “sản xuất hạnh phúc” cho mình và cho mọi người.

Xã hội mở ngày nay làm cho không có ai là “nhỏ bé” trên cuộc đời này, trừ khi tự mình muốn “nhỏ bé”. Ai cũng có thể trở thành những “con người lớn” bằng hai cách, làm được những việc lớn hoặc làm những việc nhỏ với một tình yêu cực lớn. Và khi biết chọn cho mình một lẽ sống phù hợp rồi sống hết mình và cháy hết mình với nó, mỗi người sẽ có được một hạnh phúc trọn vẹn. Khi đó, ta không chỉ có những khoảnh khắc hạnh phúc, mà còn có cả một cuộc đời hạnh phúc. Khi đó, tôi hạnh phúc, bạn hạnh phúc và chúng ta hạnh phúc. Đó cũng là lúc ta thực sự “chạm” vào hạnh phúc!”

("Để chạm vào hạnh phúc"- Giản Tư Trung, Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online, 3/2/2012)

**Câu 1** (0,5 điểm). Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Văn bản thông tin

C. Hành chính công vụ

D. Ý kiến khác

**Câu 2** (0,5 điểm). Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản?

A. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.

C. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

D. Phong cách ngôn ngữ khoa học.

**Câu 3** (0,5 điểm). Thao tác lập luận chính của văn bản là:

A. Phân tích

B. So sánh

C. Bác bỏ

D. Giải thích

**Câu 4** (0,5 điểm). Tìm yếu tố thể hiện năng lực làm người được đề cập trong văn bản.

**Câu 5** (1,0 điểm)**.** Nêu nội dung chính của văn bản.

**Câu 6** (1,0 điểm). Trong văn bản có nhiều cụm từ in đậm được để trong ngoặc kép, hãy nêu công dụng của việc sử dụng dấu ngoặc kép trong những trường hợp trên. Từ đó, hãy giải thích nghĩa hàm ý của 02 cụm từ “nhỏ bé” và “con người lớn”.

**Câu 7** (1,0 điểm). Theo quan điểm riêng của mình, anh/chị chọn cách “chạm” vào hạnh phúc bằng việc “làm những việc lớn” hay “làm những việc nhỏ với một tình yêu cực lớn”. Vì sao? (Nêu ít nhất 02 lý do trong khoảng 5 - 7 dòng).

**Phần II. Viết (4,0 điểm)**

Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1** | A. Văn bản nghị luận | 0,5 điểm |
| **Câu 2** | C. Phong cách ngôn ngữ báo chí. | 0,5 điểm |
| **Câu 3** | A. Phân tích | 0,5 điểm |
| **Câu 4** | Yếu tố thể hiện năng lực làm người: phân biệt được thiện - ác, chân - giả, chính - tà, đúng - sai..., biết được mình là ai, biết sống vì cái gì, có trái tim chan chứa tình yêu thương và giàu lòng trắc ẩn. | 0,5 điểm |
| **Câu 5** | Nội dung chính của văn bản trên:  - Con người có năng lực tạo ra hạnh phúc, bao gồm: năng lực làm người, làm việc, làm dân.  - Để chạm đến hạnh phúc con người phải trở thành “con người lớn” bằng hai cách: làm việc lớn hoặc làm việc nhỏ với tình yêu lớn.  => Con người tự tạo ra hạnh phúc bằng những vệc làm đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của xã hội dù đó là việc lớn hay nhỏ. | 1,0 điểm |
| **Câu 6** | - Công dụng của việc sử dụng dấu ngoặc kép: làm nổi bật, nhấn mạnh đến một ý nghĩa, một cách hiểu khác có hàm ý…  - Nghĩa hàm ý của hai cụm từ “nhỏ bé”: tầm thường, thua kém, tẻ nhạt… và “con người lớn”: tự do thể hiện mình, khẳng định giá trị bản thân, thực hiện những ước mơ, sống cao đẹp, có ích, có ý nghĩa… | 1,0 điểm |
| **Câu 7** | - Nêu ít nhất 02 lí do thuyết phục để khẳng định lối sống mình chọn theo quan điểm riêng của bản thân. “Làm những việc lớn” gắn với ước mơ, lí tưởng hào hùng, lối sống năng động, nhiệt huyết, tràn đầy khát vọng. Còn “tìm những việc nhỏ với một tình yêu cực lớn” lại chú trọng đến niềm đam mê, cội nguồn của sáng tạo. | 1,0 điểm |

**Phần II. Viết (5,0 điểm)**

| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| --- | --- | --- |
|  | **a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do**  Mở đoạn giới thiệu được tác giả và bài thơ.  Thân đoạn phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật.  Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. | 0,25 điểm |
|  | **b. Xác định đúng yêu cầu của đề:** Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do. | 0,25 điểm |
|  | **c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:**  **1. Mở đoạn**  - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ.  **2. Thân đoạn**  - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ.  - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ…) …).  **3. Kết đoạn**  Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ. | 3,5 điểm |
|  | **d. Chính tả, ngữ pháp:** Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 điểm |
|  | **e. Sáng tạo:** Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. | 0,5 điểm |
|  | **Lưu ý:** Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng. |  |